



BIỂU SỐ 113/CKTC-NSNN

CÂN ĐOÌNGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

DVT: đồng

	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	HIỆN QUÝ I/ 2023	SỐ SÁNH(%)
	TỔNG THU	5.797.104.000	2.437.549.116	42,0
1	CÁC KHOẢN THU XÃ HƯỞNG 100%	160.000.000	83.577.650	52,2
2	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ %	634.000.000	185.876.524	29,3
3	THU BỔ SUNG	4.003.104.000	1.050.176.000	26,2
	- Bổ sung cân đối	4.003.104.000	1.000.776.000	25,0
	- Bổ sung có mục tiêu		49.400.000	
4	THU TIỀN SDD ĐỂ ĐẦU TƯ XDCB	1.000.000.000	-	-
5	THU CHUYỂN NGUỒN		1.117.918.942	
6	THU KẾT DƯ NS			
	TỔNG CHI	5.797.104.000	1.039.126.472	17,9
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	1.000.000.000	-	-
2	CHI THƯỜNG XUYÊN	4.684.104.000	1.039.126.472	22,2
3	DỰ PHÒNG	113.000.000		-



UBND

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

BIỂU SỐ 114/CKTC-NSNN

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		DVT: đồng		DVT: đồng		DVT: đồng	
I	TỔNG THU						
	CÁC KHOẢN THU 100%		5.797.104.000	-	2.437.549.116		42,0
	Phí, lệ phí		160.000.000	-	83.577.650		52,2
	Thu từ đất công ích và HLCS khác		38.000.000		7.227.650		19,0
	Thu từ hoạt động kinh tế sự nghiệp		100.000.000		65.342.000		65,3
	Thu phạt, tích thu khác theo quy định						
	Thu từ TS được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định				11.008.000		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân trong nước						
	Thu khác		22.000.000		-		
II	CÁC KHOẢN THU THEO TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		634.000.000	-	185.876.524		29,3
I	Các khoản thu phân chia		286.000.000	-	16.239.400		5,7
	- Thuế sử dụng đất PNN		50.000.000				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình		-				0,0



	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			14.000.000		9.300.000		66,4
	- Lệ phí trước bạ nhà đất			50.000.000		6.289.000		12,6
	- Thuế thu nhập cá nhân			172.000.000		650.400		0,4
	- Thuế thu nhập cá nhân			348.000.000		169.637.124		48,7
2	các khoản thu phân chia khác do tình quy định							
				348.000.000		169.637.124		48,7
	- Thuế GTGT							
				1.000.000.000		-		
II	THU TIỀN SDB ĐỂ ĐẦU TƯ XDCB					1.117.918.942		
III	THU CHUYỂN NGUỒN					-		
IV	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH TỪ NĂM TRƯỚC			4.003.104.000		1.050.176.000		26,2
V	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			4.003.104.000		1.000.776.000		25,0
1	- Bổ sung từ ngân sách cấp trên							
2	- Bổ sung có mục tiêu					49.400.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

BIỂU SỐ 115/C-KTC-NQ/NN

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023			Ước thực hiện chi ngân sách quý I			DVT: đồng	
		TỔNG SỐ	BTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	BTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	BTPT
	TỔNG CHI	5.797.104.000	1.000.000.000	4.797.104.000	1.039.126.472	-	1.039.126.472	17,9	21,7
1	Giáo dục	217.712.000	200.000.000	17.712.000	-				
2	Giao thông	632.984.000	600.000.000	32.984.000	-				
3	Chị y tế	205.000.000	200.000.000	5.000.000	-				
4	Đầu tư phát triển khác	-			-				
5	Chi văn hóa thông tin	37.564.000		37.564.000	550.000		550.000	1,5	1,5
6	Chi phát thanh, truyền thanh	48.900.000		48.900.000	8.954.350		8.954.350	18,3	18,3
7	Chi thể dục thể thao	20.000.000		20.000.000	-				
8	Chi bảo vệ môi trường	28.000.000		28.000.000	-				
9	Chi các hoạt động kinh tế (SN giao thông, chi hoạt động của cơ quan quản lý NN, Đảng, Đoàn thể	30.000.000		30.000.000	-				
10	Đảng, Đoàn thể	3.651.475.000		3.651.475.000	753.767.540		753.767.540	20,6	20,6
11	Chi cho công tác xã hội	329.274.000		329.274.000	117.299.500		117.299.500	35,6	35,6
12	Chi hoạt động an ninh, quân sự	416.893.000		416.893.000	139.418.682		139.418.682	33,4	33,4
13	Chi hoạt động các tổ chức xã hội khác	66.302.000		66.302.000	19.136.400		19.136.400	28,9	28,9
14	Chi khác	-			-				
15	Dự phòng ngân sách	113.000.000		113.000.000	-				